

Bản tin chứng khoán

Trong số này

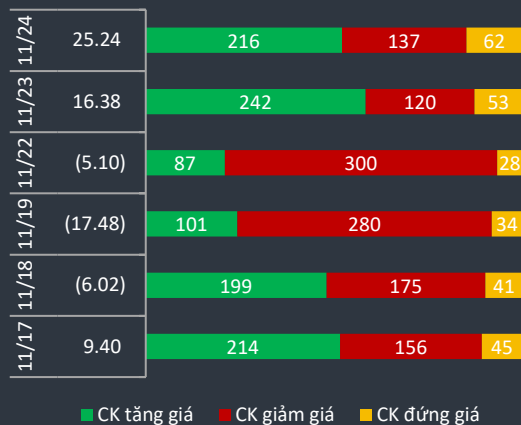
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường bùng nổ trong ngày giao dịch hôm nay khi nhóm ngân hàng tỉnh giấc và tăng trần hàng loạt. Khởi đầu là OCB, VIB, đã sớm tăng trần, riêng OCB dư mua khối lượng lên đến hàng triệu. Đây là tín hiệu đầu tiên cho dòng tiền chuyển hướng vào cổ phiếu ngân hàng. Cuối phiên OCB, VIB, MBB, EIB, SSB đều tăng trần trong đó nhiều cổ phiếu vượt đỉnh lịch sử như OCB lên sát 30. Dù đã đạt đỉnh cao nhưng về định giá OCB vẫn là cổ phiếu ngân hàng hấp dẫn nhất với PE chỉ 7.9 và P/bv 1.7.

Dòng tiền ồ ạt chuyển hướng đổ vào ngân hàng tạo nên thanh khoản đột biến hầu hết mã ngân hàng cũng ghi nhận mức thanh khoản đột biến. Riêng STB đã có tới hơn 67,3 triệu cổ phiếu được khớp lệnh trong phiên, cao nhất trong nửa năm trở lại và gấp 3,7 lần trung bình của 10 phiên gần nhất. Ngoài ra, TCB ghi nhận hơn 52,3 triệu cổ phiếu được trao tay, LPB hơn 44,9 triệu cổ phiếu, MBB hơn 43 triệu cổ phiếu. Nhóm ngân hàng chiếm đến 36% tổng giá trị giao dịch thị trường hôm nay.

Với thanh khoản cực lớn vào nhóm ngân hàng, có những thời điểm dường như đã có lực chốt nhất định, đặc biệt là ở vài mã như STB, MBB... nhưng sau đó cầu vào vẫn dồn dập quá lớn là cho lực cung rút dần.

Khi dòng tiền chuyển sang ngân hàng thì nhiều nhóm ngành khác chững lại. Nhóm chứng khoán vẫn xang nhẹ và vẫn có vài cổ phiếu tăng trên 3% như VCI, BMS, DSC. Cổ phiếu thép và phân bón sau vài phiên hồi cũng điều chỉnh nhẹ trong ngày. DPM, DCM đều rơi gần 2%. Nhóm thép các mã quan trọng như HPG mất 1.8%, HSG -2.9%, NKG -4.9%.

Khối ngoại trong ngày bán ròng nhưng vẫn tăng mua các mã ngân hàng như STB, CTG, VCB. VCB hôm nay tăng gần mức trần lên gần 105. VCB cùng với BID là hai cổ phiếu ngân hàng ít tăng giá nhất trong năm nay so với nhiều mã ngân hàng khác. Đầu năm VCB ở giá 105 và trong năm gần như chỉ đi ngang. BID hôm nay lên 46 nhưng vẫn thấp hơn giá đầu năm là 49.

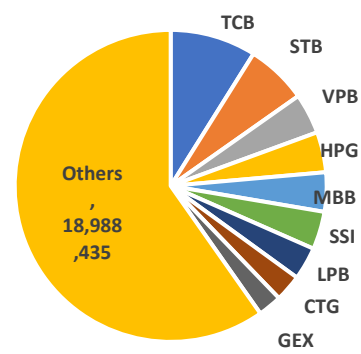
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

STB		100.85
CTG		93.15
VCB		45.91
VRE		38.37
GMD		32.80
DGC		27.64
VNM		25.54
VJC		25.21
SSI	(93.66)	
HCM	(93.77)	
VIC	(101.28)	
HPG	(111.04)	
VCI	(130.44)	
VPB	(292.20)	

Vnindex 1,488.87
▲ +25.24 (+1.72%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIB	44.8	2,900	6.92
MBB	30.9	2,000	6.92
STB	30.5	1,950	6.84
VCB	104.8	5,700	5.75
TCB	55.5	2,900	5.51
HDB	33.5	1,700	5.35
ACB	35.4	1,400	4.12
CTG	35.4	1,300	3.81
VRE	31.1	950	3.15
BID	46.1	1,350	3.02
VPB	37.3	1,050	2.90
DHG	101.0	2,300	2.33
SSI	53.2	1,200	2.31
VHM	83.7	1,200	1.45
VNM	87.5	1,200	1.39
REE	67.6	900	1.35
FPT	97.9	1,300	1.35
HVN	23.7	300	1.28
TPB	49.1	400	0.82
MWG	144.0	1,000	0.70
BVH	62.8	400	0.64
MSN	157.0	500	0.32
NVL	106.4	200	0.19
VJC	132.2	200	0.15
PLX	57.0	-	-
PNJ	105.7	-	-
SAB	168.0	-	-
PDR	90.4	(300)	(0.33)
VIC	94.1	(700)	(0.74)
GVR	37.2	(300)	(0.80)
POW	13.6	(200)	(1.45)
GAS	103.0	(1,600)	(1.53)
BCM	54.1	(900)	(1.64)
HPG	48.7	(900)	(1.82)



Chỉ số Vnindex đã gần chạm vùng đỉnh mới quan trọng 1500 sau phiên thần tốc tăng hơn 25 điểm hôm nay. Mức độ tập trung cao và dồn dập vào cổ phiếu ngân hàng cho thấy nhóm ngành này không thể chỉ tăng một vài phiên ngắn. Tình hình có thể hạ nhiệt trong các phiên cuối tuần nhưng tín hiệu rõ ràng là nhóm ngành ngân hàng đang đón sóng trở lại. Các nhóm ngành khác như chứng khoán, bán lẻ, phân bón, thép, dệt may BDS vẫn nên lưu ý trong các phiên tới.

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, TCM, ACB, STB, VPB, TPB.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	55.5	6.3	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	0.9%
DPM	48.5	(5.8)	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	-1.0%
DCM	36.3	(6.2)	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	-0.5%
HSG	38.0	(10.7)	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	-1.3%
TCM	81.2	1.0	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	26.9%
PET	30.0	(13.4)	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	7.1%
LCG	18.9	1.9	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	35.0%
DPR	83.3	(4.5)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	24.3%
GVR	37.2	(7.0)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	26.5%
HCM	47.3	4.4	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	39.1%
VCI	77.4	6.6	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	58.0%
SSI	53.2	16.0	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	61.2%
MBB	30.9	7.7	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	6.6%
OCB	30.0	13.2	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	30.4%
HPG	48.7	(5.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	8.2%
DGW	137.3	9.9	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	174.6%
REE	73.0	(5.8)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	3.4	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

EIB	6.91
MBB	6.92
TLG	6.93
TN1	6.94
MCG	6.96
KHP	6.98
SGT	6.98
TTF	6.98
HDG	7.00
HTN	7.00
KSH	7.02
PXT	10.17

Top tăng giá HNX

DBC	6.94
KSQ	7.59
VC1	8.39
VTJ	9.38
LDP	9.74
BXH	9.76
CMS	9.79
TKU	9.87
PDB	9.88
HEV	9.93
OCH	10.00
VGS	10.00
CEO	10.00

HAX - CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – Đã thông qua việc phát hành 180 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, giá phát hành bằng mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, giá chuyển đổi 12.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ chuyển đổi 12:100 (12 trái phiếu đổi được 100 cổ phiếu). Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I/2022.

UIC - CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO - Đặt mục tiêu lãi trước thuế quý 4/2021 gần 15 tỷ đồng. Theo đó, lãi trước thuế cả năm dự kiến ở mức 73 tỷ đồng, thực hiện 97% kế hoạch.

HHS - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 32,96 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 25:3 (cổ đông sở hữu 25 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Bên cạnh đó, HHS còn phát hành hơn 13,73 triệu cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 20:1. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

ACE - CTCP Bê tông Ly tâm An Giang - Chốt ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức tiền mặt đợt cuối năm 2020 vào ngày 02/12 và dự kiến thanh toán vào 30/12.

ASP - CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha - Ngày 08/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2021.

API - CTCP Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương – Đã thông qua việc triển khai phát hành 10,92 triệu cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), theo tỷ lệ 100:30. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2021 đến quý I/2022.

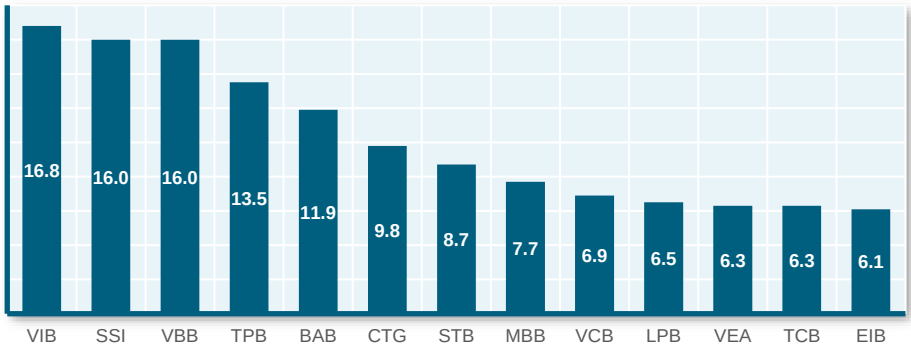
THD - CTCP Thaiholdings - Sẽ bán toàn bộ gần 9,48 triệu cổ phiếu Đầu tư Thaihomes theo hình thức chuyển nhượng cổ phần đang sở hữu. Thời gian chuyển nhượng dự kiến trong quý 4/2021. Giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần, nếu thành công với thương vụ này, Thaiholdings dự kiến sẽ thu về khoảng 94 tỷ đồng.

TMX - CTCP VICEM Thương mại xi măng - Ngày 29/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

HTN - CTCP Hưng Thịnh Incons - Ngày 7/12 tới đây sẽ là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Ngày giao dịch không hưởng quyền vào 6/12.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



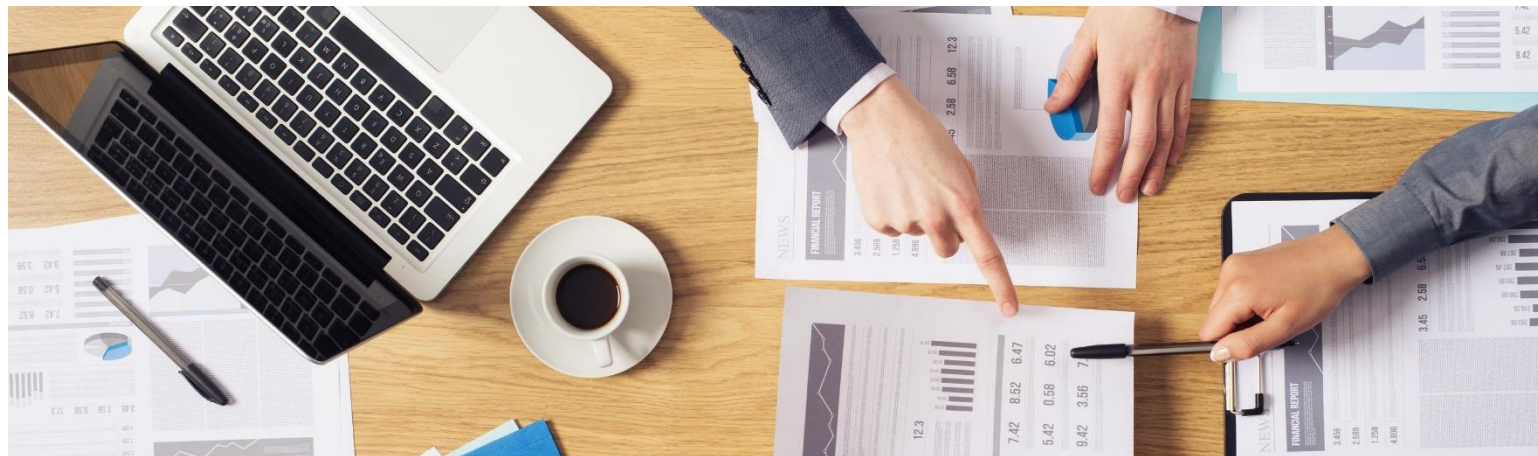
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.3	35,983,800	7.4	1.5	-	7,911,700	165,816	18.92	5,056	24,447
VIB	HOSE	44.8	8,199,200	7.9	3.3	24,300	196,800	69,581	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	104.8	1,883,300	18.9	3.7	552,800	107,600	388,690	23.62	5,532	28,293
VBB	HNX	21.8	347,392	26.3	1.9	-	3,500	10,413	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	19.9	2,826,188	16.6	1.5	6,400	-	8,855	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	49.1	7,302,100	10.8	2.6	471,600	1,459,500	57,529	29.82	4,565	18,925
TCB	HOSE	55.5	52,375,300	12.0	2.3	-	-	194,856	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	30.5	67,319,900	15.9	1.8	4,591,500	1,220,800	57,405	16.88	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.5	1,789,500	22.9	3.2	40,800	-	53,028	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	25.0	26,119,100	11.5	1.8	318,700	456,300	53,099	3.65	2,183	14,014
SGB	HNX	21.2	918,406		1.8	-	-	6,530	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	36.3	389,993	49.1	2.7	-	-	10,890	15.00	739	13,529
OCB	HNX	30.0	17,815,100	7.9	1.7	230,600	65,500	41,028	21.83	3,799	17,827
NVB	HOSE	31.4	963,989	153.2	2.9	-	100,200	12,774	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	25.3	1,497,652	7.5	1.5	50,100	800	11,548	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.2	18,292,500	8.6	1.6	5,100	2,900	43,076	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	30.9	43,004,800	7.9	1.5	-	57,200	116,750	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	24.5	44,928,600	9.5	1.7	515,900	205,000	29,488	3.89	2,591	14,466
KLB	HOSE	25.7	382,791	12.6	1.8	2,200	-	9,290	(3.44)	2,035	14,117
HDB	HOSE	33.5	11,827,300	8.7	1.9	1,459,300	2,209,200	66,739	17.53	3,854	17,399
EIB	HOSE	29.4	2,923,200	33.6	2.1	60,300	82,300	36,145	29.66	874	14,061
CTG	HOSE	35.4	25,476,800	8.1	1.4	3,231,300	555,300	170,124	25.04	4,394	25,028
BVB	HOSE	26.4	9,208,531	22.8	2.1	41,800	57,800	9,691	0.09	1,157	12,737
BID	HOSE	46.1	4,127,600	18.4	2.2	564,200	213,200	185,214	16.64	2,512	21,036
BAB	HOSE	25.3	248,179	26.6	2.1	-	-	19,054	-	950	12,242
ACB	HOSE	35.4	14,295,800	7.7	2.4	2,213,700	2,213,700	95,514	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	24.2	11,773,565	8.6	1.5	-	-	13,826	30.00	2,801	16,671
			412,220,586	20.81	2.09	14,380,600	17,119,300	1,936,952		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HTV	HOSE	26/11/2021	29/11/2021	23/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CLC	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SPC	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DWS	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TLP	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 37 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DAR	UPCoM	24/11/2021	25/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	29/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 619 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3.616	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6.926	Thưởng cổ phiếu
19	TCT	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCT	HNX	23/11/2021	24/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
23	ITC	HOSE	22/11/2021	23/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	T12	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	EMG	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SVI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	ICG	HNX	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDN	UPCoM	19/11/2021	22/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931